

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2019/HS-ST
Ngày: 27 - 11- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Lan Anh.

Bà Phùng Thị Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lành Thị Thanh Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 183/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Vũ Trọng B, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1958 tại Bắc Ninh.

Nơi cư trú: Thôn K, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 1342 - QĐ/UBKTTW ngày 21/11/2019 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Trọng L và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); vợ: Chu Bách H; con: Có 02 con; con lớn sinh năm 1979, con nhỏ sinh năm 1987; tiền sự: Không; tiền án: Không; áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/01/2019 đến nay. Có mặt.

2. Lê Thị V, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1967 tại Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Ngõ 13, đường P, tổ 4, khối 6, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nguyên Kế toán Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 72-QĐ/KTĐUK ngày 04/11/2019 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối các Cơ quan tỉnh; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Hoàng Thị T (đều đã chết); chồng: Trương Văn N;

con: Có 02 con; con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2001; tiền sự: Không; tiền án: Không; áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/01/2019 đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Lưu Thị Thu H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 83, đường Vy Đức T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.
Có mặt.

2. Bà Nông Thu H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 49, Khu tái định cư P, đường C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Bà Lương Thị P, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 8/1, đường N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn.

Địa chỉ: Đường V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn N, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Hoàng Thị H, bà Chu Thị Hồng T, ông Hà Văn T, ông Nông Quốc L, (đều có mặt). Bà Đoàn Thị H, bà Nguyễn Bích N, bà Trần Thị , bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Văn C. (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn là tổ chức Chính trị - Xã hội, thực hiện chức năng tổ chức, xây dựng Hội Nông dân, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của Hội viên. Cơ cấu tổ chức của Hội gồm: Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch và 05 Phòng, Ban chức năng, trong đó Vũ Trọng B là Chủ tịch Hội.

Từ năm 2014 đến năm 2017, Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn đã sử dụng kinh phí từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp, nguồn phí ủy thác, hoa hồng từ Ngân hàng Chính sách Xã hội, nguồn thu từ hoạt động quỹ hỗ trợ nông dân, nguồn thu từ hội phí vào việc triển khai thực hiện các chương trình tập huấn, hội thi, hội nghị... Sau khi thực hiện xong đã lập hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán theo quy định. Do kinh phí của Hội eo hẹp, lợi dụng vào việc tổ chức các chương trình này, Vũ Trọng B - Chủ tịch Hội đã chỉ đạo Lê Thị V (Kế toán) làm trái quy định về Kế toán, lập không một số bộ chứng từ quyết toán liên quan đến các nội dung tập huấn, hội thi và hội nghị để rút tiền từ Ngân sách Nhà nước chi phí cho các công việc chung của Hội. Lê Thị V đã lập không 12 bộ chứng từ, quyết toán với tổng số tiền 788.440.000 đồng, cụ thể:

1. Năm 2014: Lập 02 bộ hồ sơ, chứng từ quyết toán không số tiền 84.220.000 đồng, gồm:

Lớp tập huấn nghiệp vụ vay vốn Ngân hàng Chính sách Xã hội cho cán bộ Hội cấp cơ sở theo Quyết định số 112-QĐ/HNDT ngày 04/12/2014 của Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn, quyết toán không số tiền 43.610.000 đồng.

Lớp tập huấn nghiệp vụ Quỹ hỗ trợ nông dân theo Quyết định số 113-QĐ/HNDT ngày 06/12/2014 của Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn, quyết toán không số tiền 40.610.000 đồng.

2. Năm 2015: Lập 02 bộ hồ sơ, chứng từ quyết toán không số tiền 133.080.000 đồng, gồm:

Lớp tập huấn nghiệp vụ vay vốn Ngân hàng Chính sách Xã hội năm 2015 cho cán bộ Hội cấp cơ sở theo Quyết định số 188-QĐ/HNDT ngày, 06/9/2015 của Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn, quyết toán không số tiền 73.230.000 đồng.

Lớp tập huấn nghiệp vụ Quỹ hỗ trợ nông dân theo Quyết định số 190-QĐ/HNDT ngày 06/9/2015 của Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn, quyết toán không số tiền 59.850.000 đồng.

3. Năm 2016: Lập không 04 hồ sơ, chứng từ liên quan đến các hội thi, lớp tập huấn, quyết toán không số tiền 271.890.000 đồng, gồm:

Lớp tập huấn thực hiện Quyết định 81/2014-TTg của Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định số 245-QĐ/HNDT ngày 06/5/2016 của Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn, quyết toán không số tiền 76.650.000 đồng.

Hội thi “*Nông dân nông thôn và Dân tộc thiểu số tìm hiểu về pháp luật*” theo Quyết định số 280-QĐ/HNDT ngày 20/9/2016 của Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn, quyết toán không số tiền 48.300.000 đồng.

Tổ chức 02 lớp tại thành phố L và huyện L theo Quyết định số 277-QĐ/HNDT ngày 15/9/2016 của Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn về việc mở lớp tập huấn đại biểu Nông dân cơ sở thực hiện công tác xây dựng nông thôn mới trong năm 2016, quyết toán không số tiền 100.000.000 đồng.

Tổ chức 03 lớp thực hiện Quyết định 81/2014-TTg của Thủ tướng Chính phủ tại huyện C, huyện H và huyện V theo Quyết định số 300-QĐ/HNDT ngày 10/12/2016 của Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn về việc mở lớp tập huấn thực hiện Quyết định 81/2014-TTg của Thủ tướng Chính phủ, quyết toán không số tiền 46.940.000 đồng.

4. Năm 2017: Lập 04 hồ sơ, chứng từ liên quan đến các hội thi, lớp tập huấn, quyết toán không số tiền 299.250.000 đồng, gồm:

Lớp tập huấn hướng dẫn về công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội Hội Nông dân cấp huyện, xã, phường nhiệm kỳ 2018-2023, theo Quyết định số 344-QĐ/HNDT ngày 12/6/2017 của Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn, quyết toán không số tiền 84.250.000 đồng.

Lớp tập huấn thực hiện Quyết định 81/2014-TTg của Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định số 346-QĐ/HNDT ngày 15/6/2017 của Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn, quyết toán không số tiền 81.600.000 đồng.

Tổ chức hội nghị tập huấn tuyên truyền xây dựng nông thôn mới trong năm 2017, theo Quyết định số 365-QĐ/HNDT ngày 18/7/2017 của Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn, quyết toán không số tiền 100.000.000 đồng.

Hội thi “*Tìm hiểu pháp luật cho Hội viên nông dân*” theo Quyết định số 359-QĐ/HNDT ngày 06/9/2017 của Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn, quyết toán không số tiền 33.400.000 đồng.

Toàn bộ 12 bộ hồ sơ, chứng từ quyết toán không đều do Lê Thị V soạn thảo rồi trình Vũ Trọng B ký duyệt, không gửi cho các đơn vị có liên quan. Lê Thị V là người tự liên hệ mua hóa đơn giá trị gia tăng, sau đó lập danh sách phát, nhận tiền và yêu cầu các cán bộ trong Hội Nông dân tỉnh, huyện ký nhận với tư cách người mua hàng, người phát tiền, nhận tiền. Số tiền 788.440.000 đồng rút về từ việc quyết toán không 12 bộ hồ sơ, một phần được chuyển cho thủ quỹ, một phần chuyển cho Chánh Văn phòng Hội để hoàn trả các khoản tạm ứng và chi cho các công việc chung; phần còn lại Lê Thị V trực tiếp chi trả cho các hoạt động chung của cơ quan và chi cho Chương trình tập huấn công tác Hội năm 2017, nhưng chưa làm hồ sơ quyết toán; tất cả các lần chi đều được lập danh sách các khoản cụ thể, sau đó Lê Thị V trình Vũ Trọng B ký duyệt, cụ thể như sau:

1. Năm 2014: Chi phát tiền Tết Nguyên đán 2014 cho lãnh đạo, cán bộ cơ quan và một số cán bộ ngành ngoài tham gia Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh 56.500.000 đồng; chi tiền Tết Dương lịch 2015 cho lãnh đạo, cán bộ cơ quan 4.700.000 đồng; quà Tết cho 07 nguyên lãnh đạo Hội Nông dân 2.100.000 đồng; mua sắm bánh kẹo, trang trí trụ sở phục vụ Tết Nguyên đán 4.000.000 đồng; chi mua quà cho các Đoàn kiểm tra, phóng viên 5.493.000 đồng; chi tiền ủng hộ các cơ quan, đoàn thể, thăm ốm, sửa chữa vật tư 11.775.000 đồng. Tổng cộng 84.568.000 đồng.

2. Năm 2015: Chi phát tiền Tết Nguyên đán 2015 cho lãnh đạo, cán bộ cơ quan và một số cán bộ ngành ngoài tham gia Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh, quà Tết cho cán bộ mới nghỉ hưu, nhân viên hết hợp đồng 103.500.000 đồng; chi mua sắm bánh kẹo phục vụ Tết Nguyên đán tại cơ quan 5.000.000 đồng; chi tiền thăm hỏi ốm đau, tiền phúng viếng, mua quà, ủng hộ 24.589.000 đồng. Tổng cộng 133.089.000 đồng.

3. Năm 2016: Chi trả bù các khoản vượt thực tế của các cuộc tập huấn công tác do Hội Nông dân tỉnh tổ chức 35.550.000 đồng; chi mua Hóa đơn GTGT cho việc lập hồ sơ quyết toán không 9.150.000 đồng; phát tiền Tết Nguyên đán cho Lãnh đạo, cán bộ Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn và một số cán bộ ngành ngoài tham gia Ban chấp hành Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn 145.000.000 đồng; chi mua quà Tết cho 07 nguyên Lãnh đạo Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn 2.800.000 đồng; chi mua bánh kẹo, trang trí trụ sở Hội trong Tết Nguyên đán 4.090.000 đồng; chi thuê múc đất, vận chuyển cây cảnh đến Trung tâm Dạy nghề hỗ trợ nông dân 5.300.000 đồng; chi tiền thăm ốm, phúng viếng 10.000.000 đồng; chi cho Lãnh đạo Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn đi công tác, làm việc trong và ngoài tỉnh 60.000.000 đồng. Tổng cộng 271.890.000 đồng.

4. Năm 2017: Chi tiền thực tế tổ chức Chương trình tập huấn Công tác Hội từ ngày 26/6/2017 đến 30/6/2017 tại Trường C nhưng chưa làm hồ sơ quyết toán 125.890.000 đồng; chi mua hóa đơn giá trị gia tăng phục vụ lập hồ sơ quyết toán không 22.740.000 đồng; chi mua bánh kẹo, hoa quả tiếp Đoàn công tác Trung ương

Hội Nông dân đến làm việc 1.410.000 đồng; chi cho Lãnh đạo Hội Nông dân tỉnh đi công tác, làm việc nước ngoài 67.798.000 đồng; chi cho Lãnh đạo Hội nông dân tỉnh Lạng Sơn đi công tác, làm việc trong và ngoài tỉnh 18.500.000 đồng; chi bù số tiền cán bộ Hội thăm quan Hải Phòng 11.020.000 đồng; chi bù số tiền Đoàn công tác Hội nông dân tỉnh Lạng Sơn đi công tác, học tập tại miền Nam 17.492.000 đồng; chi tiền Hợp ban chỉ đạo giám sát vật tư nông nghiệp 1.000.000 đồng; chi tiền thăm ốm, phúng viếng, mua quà, ủng hộ 33.400.000 đồng. Tổng cộng 299.250.000 đồng.

Do Chương trình tập huấn Công tác Hội từ ngày 26/6/2017 đến 30/6/2017 có được tổ chức thực tế tại Trường C, nhưng chưa làm hồ sơ quyết toán số tiền 125.890.000 đồng, vì vậy hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà nước về kế toán của các bị cáo Vũ Trọng B và Lê Thị V đã gây thất thoát Ngân sách Nhà nước số tiền 788.440.000 đồng - 125.890.000 đồng = 662.550.000 đồng.

Hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng của các bị cáo Vũ Trọng B và Lê Thị V xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, tội phạm được quy định tại Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999; căn cứ điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015, thì hành vi của Vũ Trọng B và Lê Thị V bị khởi tố điều tra, truy tố, xét xử về tội Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại Điều 221 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra, ngày 09/11/2018 các bị cáo Vũ Trọng B và Lê Thị V đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 571.000.000 đồng, đến ngày 22/8/2019 tiếp tục nộp số tiền 217.300.000 đồng, tổng cộng 788.300.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Tại cáo trạng số 87/CT-VKS -P3 ngày 17 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Vũ Trọng B và Lê Thị V về tội Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 221 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Trọng B và Lê Thị V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Lưu Thị Thu H, bà Lương Thị P, bà Nông Thu H khai không được bàn bạc, không biết gì về việc các bị cáo lập hồ sơ khống để rút tiền từ Ngân sách, do đó không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Vũ Trọng B và Lê Thị V phạm tội Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 221; Điều 17; Điều 58; Điểm s, b, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Vũ Trọng B từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng; xử phạt Lê Thị V từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đối với số tiền các bị cáo đã nộp 788.300.000 đồng, trong đó

có 662.550.000 đồng là tiền vi phạm, cần tịch thu để nộp Ngân sách Nhà nước, số tiền còn lại 125.890.000 đồng trả cho các bị cáo. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ để xác định: Trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2017, lợi dụng vào việc tổ chức các Chương trình tập huấn, hội nghị, hội thi...do Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn tổ chức, bị cáo Vũ Trọng B là Chủ tịch Hội đã chỉ đạo bị cáo Lê Thị V kế toán cơ quan soạn thảo và lập khống thêm 12 bộ chứng từ rút tiền Ngân sách Nhà nước với tổng số tiền 788.440.000 đồng để phục vụ chi tiêu cho các hoạt động chung của Hội Nông dân tỉnh. Do Chương trình tập huấn Công tác Hội từ ngày 26/6/2017 đến 30/6/2017 có được tổ chức thực tế tại Trường C, tỉnh Lạng Sơn nhưng chưa làm hồ sơ quyết toán số tiền là 125.890.000 đồng, vì vậy xác định hành vi của các bị cáo Vũ Trọng B và Lê Thị V đã gây thất thoát Ngân sách Nhà nước số tiền 662.550.000 đồng. Hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng của các bị cáo xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, tội phạm được quy định tại Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999; căn cứ điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015, thì hành vi của các bị cáo bị xét xử về tội Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại Điều 221 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Vũ Trọng B và Lê Thị V phạm tội Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng theo điểm d khoản 2 Điều 221 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng số 87/CT-VKS-P3 ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, quy định của Nhà nước về kế toán, gây mất trật tự tại địa phương, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với các cơ quan Nhà nước. Do vậy, hành vi của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm trước pháp luật.

[3] Để có căn cứ quyết định hình phạt, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

[4] Xét tính chất của vụ án và vai trò của từng bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn; các bị cáo đều là cán bộ có chức vụ, quyền hạn, có sự thống nhất với nhau trong việc lập hồ sơ khống để rút tiền từ Ngân sách phục

vụ cho công tác của đơn vị; mặc dù các bị cáo biết rõ việc làm đó là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Đối với bị cáo Vũ Trọng B, nguyên là Chủ tịch Hội đã chỉ đạo cấp dưới lập không 12 bộ chứng từ để rút 788.440.000 đồng từ Ngân sách; mặc dù không có động cơ vụ lợi, nhưng hành vi của bị cáo đã vi phạm Luật Ngân sách nhà nước và Luật Kế toán, gây thất thoát cho tài sản của Nhà nước, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm chính và chịu mức án cao hơn bị cáo còn lại. Đối với bị cáo Lê Thị V, nguyên là Kế toán Hội; mặc dù biết Vũ Trọng B chỉ đạo lập chứng từ không để rút tiền từ Ngân sách là trái quy định của pháp luật, nhưng bị cáo không ngăn cản, mà còn tham gia tích cực, tự soạn thảo và lập không 12 bộ hồ sơ để rút tiền từ Ngân sách, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm đồng phạm với vai trò người giúp sức, thực hiện.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Mặc dù việc rút tiền từ Ngân sách để phục vụ mục đích chung của đơn vị, không có vụ lợi cá nhân, nhưng sau khi biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền vào Ngân sách, cụ thể: Bị cáo Vũ Trọng B và tự nguyện nộp lại số tiền 443.300.000 đồng, Lê Thị V đã nộp 345.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; các bị cáo đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc giải quyết vụ án. Bị cáo Vũ Trọng B hiện đang mắc bệnh hiểm nghèo; có nhiều thành tích xuất sắc trong quá trình công tác, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Hội Nông dân Việt Nam tặng Bằng khen; bị cáo có bố đẻ là ông Vũ Trọng L được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba và Huy chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba. Bị cáo Lê Thị V cũng có nhiều thành tích xuất sắc trong quá trình công tác, được Hội Nông dân Việt Nam tặng Huy chương vì sự nghiệp Nông dân Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Huy chương Vì sự nghiệp Giáo dục; bị cáo có bố đẻ là ông Lê Văn H được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và hạng Ba. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cho các bị cáo hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s; 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b; 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t; 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 và 01 tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Cả hai bị cáo đều có 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, yếu tố về nhân thân, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt đã truy tố cũng đảm bảo tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[7] Xét thấy cả hai bị cáo trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo từ trước tới nay chấp hành tốt chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; không vi phạm các điều mà pháp luật cấm. Các bị cáo có khả năng tự cải tạo; có 05 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 1, 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, thấy chưa cần thiết áp dụng hình phạt tù mà cho các bị cáo hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo mục đích giáo dục. Việc cho các bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Điều này cũng phù hợp với chính sách hình sự của Nhà nước là trừng trị người cầm đầu, ngoan cố; khoan hồng đối với những người lầm đường, lạc lối biết ăn năn, hối cải.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo hiện nay không đảm nhiệm chức vụ gì, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 221 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; do các bị cáo đồng phạm gây thất thoát cho Ngân sách Nhà nước số tiền 662.550.000 đồng, nên mỗi bị cáo phải có trách nhiệm nộp lại 331.275.000 đồng. Trong quá trình điều tra vụ án, ngày 09/11/2018 và ngày 22/8/2019 bị cáo Vũ Trọng B đã nộp 443.300.000 đồng; bị cáo Lê Thị V đã nộp 345.000.000 đồng. Tổng cộng hai bị cáo đã nộp 788.300.000 đồng. Số tiền này hiện nay Cơ quan điều tra đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18 tháng 10 năm 2019. Sau khi khấu trừ số tiền 662.550.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước; số tiền còn lại 125.890.000 đồng trả lại cho các bị cáo. Tại phiên tòa hai bị cáo thỏa thuận mỗi người hưởng một nửa số tiền này, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo. Như vậy mỗi bị cáo sẽ được nhận lại 62.945.000 đồng.

[10] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo; đề nghị mức hình phạt và các vấn đề khác khi giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[13] Quá trình điều tra còn xác định: Từ năm 2013 đến năm 2017, Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn đã chi thực tế số tiền 271.587.000 đồng không đảm bảo trình tự, thủ tục, nhưng vẫn nằm trong khoản được phép chi của Hội, không phải do lập khống chứng từ mà có, nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý hình sự.

[14] Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 221; Điều 17; Điều 58; Điểm s, b, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Trọng B và Lê Thị V phạm tội Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Vũ Trọng B 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Trọng B cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; bị cáo Lê Thị V cho Ủy ban nhân dân phường Đ thành phố L, tỉnh Lạng Sơn là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu số tiền 662.550.000 đồng (sáu trăm sáu mươi hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) nộp Ngân sách Nhà nước.

Xác nhận bị cáo Vũ Trọng B đã nộp 443.300.000 đồng. Bị cáo Lê Thị V đã nộp 345.000.000 đồng. Tổng cộng hai bị cáo đã nộp 788.300.000 đồng. Số tiền này được đựng trong 02 hộp như sau:

- 01 hộp bìa giấy cát tông được niêm phong dán kín bằng giấy trắng, kích thước 32cm x 23cm x 12cm, trên mặt có ghi “Số: 302”, trên các bờ mép có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong: Cao Văn H, Dương Tuấn H, Phạm Mạnh C, Vũ Trọng B.

- 01 hộp bìa giấy cát tông được niêm phong dán kín bằng giấy trắng, kích thước 20cm x 10cm x 10cm, trên mặt có ghi “Số: 350”, trên các bờ mép có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong: Nguyễn Thị Thu H, Phạm Mạnh C, Vũ Trọng B, Lê Thị V.

3.2. Sau khi khấu trừ số tiền 662.550.000 đồng (sáu trăm sáu mươi hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) nộp Ngân sách Nhà nước, trả lại cho các bị cáo 125.890.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo tại phiên tòa, mỗi bị cáo sẽ nhận lại 62.945.000 đồng (sáu mươi hai triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

(Số tiền hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn được mô tả chi tiết tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

4. Về án phí: Các bị cáo Vũ Trọng B và Lê Thị V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Sinh

